

Bản án số: **391/2026/DS - ST**

Ngày: 01/6/2026

V/v *“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Tùng.

2/ Ông Nguyễn Hùng Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Phi Liễu**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026. Về *“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 793/2026/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026. Giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Trần Hoàng T**, sinh ngày 28/10/1990

CCCD số 091090023895 cấp ngày 15/9/2022. SĐT: **0794 216 543**

Địa chỉ thường trú: **Số B, ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là số B, ấp V, xã V, tỉnh An Giang).**

Địa chỉ hiện tại: **Số A, đường T, khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Nay là số A, đường T, khu V, phường V, thành phố Cần Thơ).** Có mặt

2/ Bị đơn: Bà **Bùi Ngọc Huế A**, sinh ngày 08/10/1994

CCCD số 092194009582 cấp ngày 01/9/2021 SĐT: **0392 502 561**

Địa chỉ thường trú: **Số D khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Nay là số D, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ).** Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2025 và bản tự khai của nguyên đơn **Trần Hoàng T** trình bày (BL 8, 31):

Do nguyên đơn và bà **Bùi Ngọc H** Anh có mối quan hệ quen biết, bà **Huế A** có nhu cầu vay vốn để mở trung tâm dạy thêm trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Nên nguyên đơn có cho bà **H** Anh vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 20/5/2025 cho vay số tiền 400.000.000 đồng, có làm Giấy vay tiền cùng ngày.

- Ngày 13/6/2025 cho vay số tiền 105.000.000 đồng và 125.000.000 đồng, có làm 02 Giấy vay tiền cùng ngày, tổng cộng 230.000.000 đồng.
- Ngày 17/6/2025 cho vay số tiền 120.000.000 đồng, có làm Giấy vay tiền cùng ngày.

- Nhiều lần sau có cho vay nhưng không có giấy nợ.
- Đến ngày 05/8/2025 hai bên chốt nợ là 850.000.000 đồng, có làm Giấy vay tiền (thế chấp sổ đỏ) cùng ngày. Nhưng thực tế bà **Huế A** chưa đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

Đến thời hạn thanh toán mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng không có kết quả, bị đơn không nghe máy, cố tình né tránh. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số nợ gốc **850.000.000 đồng (T1** trăm năm mươi triệu đồng); Yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 06/8/2025 đến khi xét xử. Nguyên đơn còn yêu cầu tiếp tục tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn **Bùi Ngọc Huế A** thừa nhận có nhiều lần vay tiền của ông **Trần Hoàng T** và đã nhận tổng số tiền vay là 850.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 13/6/2025 vay 02 lần số tiền 105.000.000 đồng và 125.000.000 đồng, tổng cộng 230.00.000 đồng có làm 02 Giấy vay tiền cùng ngày.
- Ngày 17/6/2025 vay số tiền 120.000.000 đồng, có làm Giấy vay tiền cùng ngày.

- Nhiều lần sau không có giấy nợ do là ông **Trần Hoàng T** giao tiền cho bị đơn bằng hình thức chuyển khoản nhưng do thời gian lâu nên không nhớ rõ.

- Đến ngày 05/8/2025 hai bên có chốt nợ gốc tổng cộng là 850.000.000 đồng, có làm Giấy vay tiền (thế chấp sổ đỏ) cùng ngày nhưng chưa thỏa thuận lãi suất, thực tế bị đơn chưa đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho nguyên đơn.

Bị đơn cũng thừa nhận đã đóng lãi nhiều lần nhưng không đúng và đủ như thỏa thuận do gặp hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thất bại. Nay trước yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả số nợ gốc là 850.000.000 đồng; tiền lãi thì đồng ý tính lãi suất theo quy định của pháp luật, kể cả lãi suất chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án và không yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng trước đây. (BL 15).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần bà **Bùi Ngọc H Anh** đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể ngày 17/4/2026 và ngày 08/5/2026 nhưng bà **Bùi Ngọc Huế A** vẫn vắng mặt mà không có lý do (BL 32, 38). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc là **850.000.000 đồng (T1** trăm năm mươi triệu đồng); Yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 06/8/2025 cho đến khi xét xử. Nguyên đơn còn yêu cầu tiếp tục tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Bị đơn **Bùi Ngọc Huế A** vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là các Giấy vay tiền ngày 20/5/2025, 13/6/2025, 17/6/2025 và Giấy vay tiền ngày 05/8/2025 bản gốc (BL 09-13) thể hiện bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thỏa thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về số nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là các Giấy vay tiền ngày 20/5/2025, 13/6/2025, 17/6/2025 và Giấy vay tiền ngày 05/8/2025 bản gốc (BL 09-13) do phía nguyên đơn cung cấp, có chữ ký và chữ viết xác nhận nợ của bị đơn, thể hiện bà **Bùi Ngọc H Anh** có vay và đã nhận của nguyên đơn **Trần Hoang T2** tổng số tiền **850.000.000 đồng (T1** trăm năm mươi triệu đồng). Bị đơn cũng đã thừa nhận nội dung này (BL 15). Cho nên đủ cơ sở kết luận bà **Bùi Ngọc H Anh** có vay và nợ nguyên đơn số tiền như trên.

[3] Tòa án đã tổng đạt trực tiếp nhiều lần cho bà **Bùi Ngọc H Anh** các Thông báo tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử (BL 29, 35, 43). Bị đơn hèn thương lượng với nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do (BL 17, 36-37, 45-46). Phía bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền **850.000.000 đồng (T1** trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất: căn cứ các Giấy vay tiền ngày 20/5/2025, 13/6/2025, 17/6/2025 và Giấy vay tiền ngày 05/8/2025 bản gốc (BL 09-13), ngoài việc chứng minh bị đơn đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận; còn thể hiện việc thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ là 06/8/2025; nhưng không có thỏa thuận về lãi suất. Bị đơn cho rằng có thanh toán lãi nhưng không đúng và đủ như thỏa thuận do gặp hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thất bại; nhưng không nhớ rõ và không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bị đơn cũng không yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi đã đóng. Nên xem đây là trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Trường hợp này lãi suất theo quy định là 10%/năm (tức 0,83%/tháng) theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[5] Căn cứ theo khoản 2 Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả các khoản lãi bao gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn và Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính

lãi suất 0,83%/tháng từ ngày hai bên tổng kết và thỏa thuận thanh toán nợ 06/8/2025 đến khi xét xử, không yêu cầu tính lại phần lãi trong quá trình vay là có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ ngày 06/8/2025 đến ngày xét xử 01/6/2026 là **9 tháng 26 ngày**. Nên số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là:

$850.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = \mathbf{69.610.200 \text{ đồng}}$
(Sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm đồng).

[6] Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn **Bùi Ngọc H** Anh có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn **Trần Hoàng T** tính đến ngày xét xử sơ thẩm là $850.000.000 \text{ đồng} + 69.610.200 \text{ đồng} = \mathbf{919.610.200 \text{ đồng}}$ (Chín trăm mười chín triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm đồng).

Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn **Trần Hoàng T** được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp và bị đơn **Bùi Ngọc Huế A** phải chịu toàn bộ án phí là $36.000.000 \text{ đồng} + 3\%(919.610.200 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = \mathbf{39.588.300 \text{ đồng}}$ (Ba mươi chín triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 207, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .
- Điều 463, 466, 470, 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của ông **Trần Hoàng T**. Buộc bà **Bùi Ngọc Huế A** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Trần Hoàng T** số nợ gốc 850.000.000 đồng (**T1** trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi 69.610.200 đồng (Sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm đồng), tổng cộng là **919.610.200 đồng** (Chín trăm mười chín triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn **Bùi Ngọc Huế A** phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là **39.588.300 đồng** (Ba mươi chín triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm đồng).

- Nguyên đơn **Trần Hoàng T** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **18.750.000 đồng** (Mười tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005071 ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ.
- VKSND KV3-Cần Thơ.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung

